

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÒA BÌNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

SÁNG KIẾN

**SỬ DỤNG KỊCH TRONG TIẾT HỌC TIẾNG ANH ĐỂ CƯỜNG CỐ KỸ
NĂNG NÓI CHO HỌC SINH LỚP 4 TẠI TRƯỜNG PT THỰC HÀNH
CLC NGUYỄN TẤT THÀNH.**

Lĩnh vực: Khoa học giáo dục

Tác giả: Nguyễn Thị Hồng Thu

Hòa Bình, 6 tháng 5 năm 2024

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Chương 1: Tổng quan	4
1.1. Cơ sở lí luận	4
1.2. Phương pháp tiếp cận để tạo ra sáng kiến	5
1.3. Mục tiêu của sáng kiến	5
Chương 2: Mô tả sáng kiến	6
2.1. Thực trạng công tác dạy và học môn Tiếng Anh khối 4 trong trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành	6
2.1.1. Ưu điểm	6
2.1.2. Hạn chế và nguyên nhân hạn chế	6
2.2. Biện pháp: “Sử dụng kịch trong tiết học Tiếng Anh để củng cố kỹ năng nói cho học sinh lớp 4 tại trường PT Thực Hành CLC Nguyễn Tất Thành.”	8
2.2.1. Điều kiện, hoàn cảnh tạo ra biện pháp	9
2.2.2. Nội dung biện pháp	9
2.2.2.1. Nội dung 1: Lý do sử dụng biện pháp	9
2.2.2.2. Nội dung 2: Thực hiện sử dụng kịch trong lớp học	9
2.3. Thực nghiệm sư phạm	10
2.3.1. Mô tả cách thức thực hiện	10
2.3.1.1. Nội dung 1: Tìm hiểu tác phẩm kịch	10
2.3.1.2. Nội dung 2: Luyện tập từ mới	10
2.3.1.3. Nội dung 3: Báo cáo kết quả	14
2.4. Kết quả đạt được	15
Chương 3 : Kết luận, đề xuất/ kiến nghị	16
3.1. Kết luận	16
3.2. Đề xuất, kiến nghị	18

DANH MỤC
NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG SKKN

Chữ viết tắt	Nguyên nghĩa
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
GDPT	Giáo dục phổ thông
PT	Phổ thông
CLC	Chất lượng cao
SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
CLB	Câu lạc bộ

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN

1.1. Cơ sở lý luận

Môn Tiếng Anh cùng với các môn học khác trong nhà trường có nhiệm vụ quan trọng trong việc hình thành cho người học những nhân cách sống của con người lao động mới, trong thời đại mới, theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học đã được xác định trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII (01/1993), Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (12/1996), được thể chế hóa trong Luật Giáo dục sửa đổi năm 2009, được cụ thể hóa trong các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong Luật Giáo dục sửa đổi năm 2010, điều 28.2, đã nêu rõ: “Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú, học tập cho học sinh”. Có thể nói cốt lõi của đổi mới dạy và học là hướng tới hoạt động học tập chủ động, chống lại thói quen học tập thụ động. Không những thế, Tiếng Anh hiện nay được coi là một công cụ phục vụ trong mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội để quốc gia hội nhập toàn cầu. Cho nên việc dạy và học môn Tiếng Anh là một mặt của nền giáo dục tiên bộ, là nhu cầu tất yếu khách quan của sự tồn tại và phát triển trong xã hội văn minh nói chung và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội”CNXH”, bảo vệ Tổ quốc nói riêng. Trong chương trình GDPT 2018, môn Tiếng Anh là một môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục phổ thông. Là một trong những môn học công cụ ở trường phổ thông, môn Tiếng Anh không chỉ giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng anh mà còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung, để sống và làm việc hiệu quả hơn, để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời. Ở bậc Tiểu học (lớp 3-5), môn tiếng Anh giúp học sinh bước đầu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, chú trọng nhiều hơn đến hai kỹ năng nghe và nói. Năng lực giao tiếp là khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) để tham gia vào các hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong những tình huống hay ngữ cảnh có nghĩa với các đối tượng giao tiếp khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp của bản thân hay yêu cầu giao

tiếp của xã hội. Trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh, năng lực giao tiếp được thể hiện thông qua các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp dưới dạng nghe, nói, đọc, viết. Các năng lực giao tiếp được lựa chọn theo hướng mở, có liên hệ chặt chẽ với các chủ điểm, chủ đề. Kỹ năng nói là một trong những kỹ năng được chú trọng đối với bậc tiểu học, tuy nhiên trong điều kiện môi trường học tập hiện nay còn nhiều hạn chế. Việc rèn luyện, củng cố kỹ năng nói còn gặp nhiều khó khăn. Học sinh còn rụt rè, chưa chủ động sử dụng tiếng Anh trong phạm vi lớp học. Do vậy, việc nghiên cứu nhằm tìm ra những biện pháp nâng cao kỹ năng nói cho học sinh tiểu học nói chung và học sinh khối 4 nói riêng có ý nghĩa rất lớn trong thực tiễn giáo dục của trường phổ thông Thực Hành CLC Nguyễn Tất Thành hiện nay. Áp dụng kịch trong tiết học Tiếng Anh được cho là một trong những phương pháp không những giúp người học luyện tập đã học mà còn giúp người học áp dụng các kiến thức kỹ năng đã học vào thực tế các tình huống giao tiếp một cách chân thực và, gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Các lời thoại trong kịch của các nhân vật đều mang tính giao tiếp cao, nhờ đó người học sẽ sử dụng được ngôn ngữ một cách nhanh chóng, chính xác và tự nhiên. Với ý nghĩa lý luận và thực tiễn như trên tôi lựa chọn nghiên cứu biện pháp: **“Sử dụng kịch trong tiết học Tiếng Anh củng cố kỹ năng nói cho học sinh lớp 4 tại trường PT Thực Hành CLC Nguyễn Tất Thành.”**

1.2. Phương pháp tiếp cận để tạo ra sáng kiến

- Phương pháp quan sát: Giáo viên tiến hành quan sát học sinh trong quá trình khởi động và luyện tập.
- Phương pháp tham khảo, phân tích và tổng hợp các tài liệu liên quan.
- Phương pháp làm mẫu
- Phương pháp thực nghiệm

1.3. Mục tiêu của sáng kiến

- Nâng cao kỹ năng nói cho học sinh khối 4 tại trường phổ thông Thực Hành CLC Nguyễn Tất Thành; phát âm đúng các nguyên âm trong tiếng Anh
- Giúp học tự tin thể hiện ngôn ngữ cơ thể, kỹ năng sân khấu, kỹ năng phối kết hợp với các học sinh khác trước đám đông.

- Từ những biện pháp đó có thể áp dụng vào các tiết học câu lạc bộ tiếng Anh, tiết luyện nói cho khối 3 và khối 5 tại trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành.
- SKKN khuyến khích giáo viên nghiên cứu, đào sâu hơn về nội dung tích hợp môn học như văn học và nghệ thuật sân khấu với ngôn ngữ; thúc đẩy giáo viên phát huy tính sáng tạo trong việc thiết kế kịch bản phù hợp với lứa tuổi học sinh, nội dung giảng dạy trong chương trình GDPT 2018.

CHƯƠNG 2: MÔ TẢ SÁNG KIẾN

2.1. Thực trạng công tác dạy và học môn tiếng Anh trong trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành.

2.1.1. Ưu điểm

- Môn tiếng Anh được thực hiện theo phân phối chuẩn bốn tiết một tuần, nên học sinh được thực hiện các hoạt động thực hành đầy đủ. Học sinh tiếp cận với các hoạt động học một cách tự chủ, tích cực theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất. Học sinh lớp 4 học hai buổi trên tuần và có tiết luyện tập tiếng Anh mỗi lớp một buổi trên tuần. Nên hoạt động luyện tập kiến thức, kỹ năng được tăng cường; hoạt động bổ trợ, nâng cao chuyên sâu kiến thức được tiến hành thuận lợi.
- Số lượng học sinh lớp 4 không quá nhiều – 20 học sinh mỗi lớp, thuận lợi cho các hoạt động học được diễn ra trọn vẹn. Giáo viên có thể bao quát lớp một cách triệt để. Năng lực nhận thức của học sinh khối 4 về mặt cơ bản là đồng đều.
- Dạy kỹ năng nói đối với bộ môn Tiếng Anh là một hoạt động hấp dẫn học sinh bởi tính linh hoạt và gần gũi. Học sinh được tương tác với nhau thông qua một ngôn ngữ khác ngôn ngữ mẹ đẻ; học sinh có thể phát huy được tính sáng tạo và liên hệ với đời sống hàng ngày, huy động được cả kiến thức nền của các môn học khác vào trong giao tiếp. Chính vì vậy kỹ năng nói cần được tập trung phát huy

2.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

- Môi trường thực hành tiếng chưa thuận lợi cho học sinh - mặc dù tiếng Anh được sử dụng thường xuyên trong các hoạt động học, được giáo viên sử dụng khi đưa ra

hướng dẫn bằng tiếng Anh. Học sinh mặc dù có ý thức tự học nhưng chưa thực sự dành nhiều thời gian tự luyện tập ở nhà theo hướng dẫn của giáo viên. Học sinh hoà nhập cũng là một trong những nguyên nhân làm cho hoạt động học tập phát triển năng lực làm việc nhóm gặp khó khăn. Học sinh chưa tự tin, chủ động giao tiếp bằng tiếng Anh do thiếu từ vựng và chưa tự tin khi phát âm các từ tiếng Anh.

- Học sinh khối 4 là đối tượng học sinh được tiếp cận chính thức với tiếng Anh được hai năm bên thường thấy khó khăn khi giao tiếp bằng tiếng Anh bởi những hạn chế trong từ vựng, và phát âm. Khả năng nhận diện âm của học sinh khối 4 khi nghe khác nhau giữa những đối tượng học sinh. Bảng sau cung cấp thông tin điều tra năng lực nhận diện và phát âm nguyên âm đôi và đơn trong tiếng Anh.

Bảng 1: Năng lực nhận diện và phát âm một số nguyên âm đôi và nguyên âm

Nguyên âm	Tốt	Khá	Trung bình
/ei/	80%	18%	2%
/ai/	80%	18%	2%
/əʊ/	85%	13%	2%
/aʊ/	85%	13%	2%
/ʌ/	20%	30%	50%
/u:/	22%	32%	46%
/ɔ:/	18%	32%	50%

Qua hoạt động kiểm tra thường xuyên ở các tiết học, hầu hết học sinh nhận diện, và phát âm được các nguyên âm đôi, tuy nhiên việc phát âm nguyên âm đơn gây khó khăn cho nhiều học sinh. Có khoảng từ 80% đến 85% học sinh phát âm đúng các nguyên âm đôi /ai/ /əʊ/ /aʊ/; chỉ có từ 18% đến 22% học sinh có thể phát âm đúng một số nguyên âm đơn như /ʌ/, /u:/, /ɔ:/.

Bảng 2: kỹ năng thể hiện ngôn ngữ cơ thể trước nhiều người; kỹ năng tưởng tượng và cảm nhận tình huống khi đóng vai một nhân vật cụ thể.

Kỹ năng	Tốt	Khá	Trung bình
- thể hiện ngôn ngữ cơ thể	5%	5%	90%
- tưởng tượng và cảm nhận tình huống	5%	10%	85%

Qua các hoạt động kiểm tra thường xuyên (hoạt động nói) trong các tiết học, biểu hiện ngôn ngữ cơ thể, tưởng tượng và cảm nhận tình huống đối với hầu hết học sinh còn là một rào cản. Có khoảng 85% - 90% học sinh thiếu tự tin khi thể hiện ngôn ngữ cơ thể (nét mặt, giọng điệu, cử động của tay) khi nói; ngoài ra khi được giao một tình huống giao tiếp, chỉ có khoảng 5% học sinh có thể tưởng tượng tình huống giao tiếp và liên hệ tình huống thực tế với bài học, và thể hiện tình cảm trong đó.

2.2. Biện pháp “Sử dụng kịch trong tiết học Tiếng Anh để củng cố kỹ năng nói cho học sinh lớp 4 tại trường PT Thực Hành CLC Nguyễn Tất Thành”.

2.2.1. Điều kiện, hoàn cảnh tạo ra biện pháp

- Đặc điểm của học sinh tiểu học nhìn chung năng động, thích các hoạt động hoạt náo, thông minh, khả năng bắt chước, sáng tạo và tưởng tượng tốt. Tuy các hoạt động học trong chương trình, và phương pháp dạy học mới - lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm cũng đáp ứng được nhu cầu học tập và tạo điều kiện tối đa cho học sinh phát huy được năng lực chuyên biệt, cũng như năng lực chung của từng cá nhân mỗi học sinh nhưng với thời lượng mỗi tiết học giới hạn học sinh cũng chưa thực sự được luyện tập kiến thức kỹ năng một cách thành thạo. Bên cạnh đó, nội dung chương trình giáo dục mặc dù được thiết kế gần gũi với cuộc sống hàng ngày nhằm nâng cao tính ứng dụng giao tiếp của ngôn ngữ, nhưng với khối lượng lớn kiến thức học sinh cũng gặp khó khăn khi áp dụng trong giao tiếp ở các tiết học tiếng Anh. Chính vì vậy tôi mạnh dạn đưa hoạt động kịch lồng ghép vào các tiết luyện tập để học sinh được tăng cường sử dụng kiến thức ngôn ngữ đã học trong một tình huống cụ thể có liên quan đến chủ đề của chương trình học và qua tình huống đó học sinh phát triển được sự tự tin trong giao tiếp thể hiện qua biểu cảm nét mặt, và ngôn ngữ cơ thể.

2.2.2. Nội dung biện pháp

2.2.2.1. Nội dung 1: Lý do sử dụng biện pháp

- Kịch rất gần gũi với học sinh: Các tình huống trong kịch thường được chuyển thể từ những tình huống thực tế trong đời sống, những tình huống này học sinh thường gặp hàng ngày. Kịch thúc đẩy sự sáng tạo của học sinh, phát triển khả năng tưởng tượng, tạo cơ hội cho học sinh sử dụng ngôn ngữ bên ngoài lớp học.
- Kịch giúp học sinh xây dựng được sự tự tin: Khi hoá thân vào nhân vật trong câu chuyện, học sinh thoát khỏi cá tính, bản sắc cá nhân của mình, quên đi sự ngượng ngùng thường thấy trong các tiết học tiếng Anh thường ngày.
- Phát triển kỹ năng làm việc nhóm: Học sinh sẽ phải thống nhất và đưa ra quyết định chung của nhóm; lắng nghe lẫn nhau và hợp tác để đạt được mục đích chung, và giải quyết những khác biệt giữa các thành viên.

2.2.2.2. Nội dung 2: Thực hiện sử dụng kịch trong lớp học

- Chọn hoạt động phù hợp: Khi lên kế hoạch xây dựng hoạt động sử dụng kịch, giáo viên cần cân nhắc 4 điều kiện sau a) sở thích của học sinh, b) nhu cầu của học sinh, c) độ tuổi của học sinh, d) thời điểm thực hiện. Giáo viên đã lựa chọn đối tượng học sinh lớp 4 để áp dụng biện pháp bởi vì các chủ đề trong chương trình học bắt đầu đa dạng hơn, có chiều sâu hơn và có thể khai thác được nhiều nguồn tài nguyên có chủ đề tương tự trên không gian mạng.
- Bắt đầu bằng những phân đoạn ngắn, chia hoạt động kịch thành nhiều bước nhỏ để thực hiện: thực hiện theo các hoạt động được giáo viên hướng dẫn, và chuyển sang các hoạt động có ít kiểm soát của giáo viên khi học sinh đã tự tin. *Galina Zalta. "English Teaching Forum, Using drama with Children, volume 44 No2 2006."*
- Do thời lượng chỉ kéo dài trong vòng 35 phút cho mỗi tiết nên một vở kịch sẽ được chia thành các nhiệm vụ nhỏ (từ 5-6 nhiệm vụ) và lồng ghép với các tiết luyện tập, thay vì tiết giới thiệu ngữ liệu mới
- Đánh giá, phản hồi về quá trình học sinh thực hiện, điều mà học sinh đã làm được: cách học sinh hợp tác với nhau, cách học sinh đưa ra quyết định thay vì chỉ chú trọng vào sản phẩm cuối cùng và ngôn ngữ. Giáo viên sẽ trao chứng nhận cho phần trình

diễn của học sinh và các chứng nhận danh hiệu cho cá nhân học sinh. *Galina Zalta. "English Teaching Forum, Using drama with Children, volume 44 No2 2006."*

2.3. Thực nghiệm sư phạm

2.3.1. Mô tả cách thức thực hiện

2.3.1.1. Nội dung 1: vở kịch 'the very busy spider'

** Bước 1: Tìm hiểu tác phẩm*

- Học sinh xem video kể chuyện và trả lời các câu hỏi của giáo viên
- + Câu hỏi 1: What animals did you see in the video?
- + Câu hỏi 2: What sounds do they make?
- + Câu hỏi 3: What is the spider doing?
- + Câu hỏi 4: What activities do the animals want the spider to do with them?
- + Câu hỏi 5: Why does the spider refuse the invitation?

** Bước 2: Luyện tập từ mới*

- Giáo viên sử dụng flashcards để học sinh luyện tập từ vựng về chủ đề động vật. Các từ the spider, the horse, the cow, the sheep, the goat, the pig, the dog, the cat, the duck, the rooster, the owl, web
- Giáo viên cho học sinh xem video: sounds of the animals. Giáo viên dừng video và cho học sinh nhắc lại âm thanh của các con vật: Neigh, neigh, Moo, moo, Baa, baa, Maa, maa, Oink, oink, Woof, woof, Meow, meow, Quack, quack, Cock-a-doodle-do, Whoo, whoo. Học sinh chơi trò chơi miming. Một học sinh sẽ phát ra âm thanh của một con vật bất kỳ, những học sinh còn lại sẽ gọi tên của con vật.
- Giáo viên cho học sinh luyện tập các cụm từ, và từ chỉ hoạt động bằng flashcards: go for a ride, eat some grass, spinning my web, run on the meadow, jump on the rocks, roll in the mud, chase the cat, take a nap go for a swim, catch a fly. Học sinh chơi trò chơi miming để tăng cường luyện tập từ vựng

** Bước 3: Học sinh thực hành phân vai cho các thành viên trong nhóm*

- Học sinh phân vai cho các thành viên, giáo viên gợi ý học sinh giao vai theo khả năng của từng thành viên
- Học sinh thực hiện học lời thoại, miêu tả hành động và giọng điệu của các nhân vật.
- Học sinh thực hiện đóng vai.

2.3.1.2. Nội dung 2: Vở kịch 'Who is sleeping?'

** Bước 1: Tìm hiểu tác phẩm*

- Học sinh xem video kể chuyện và trả lời các câu hỏi của giáo viên
- + Câu hỏi 1: What animals did you see in the video?
- + Câu hỏi 2: What sounds do they make?
- + Câu hỏi 3: What is the dog doing?

** Bước 2: Luyện tập từ mới*

- Giáo viên sử dụng flashcards để học sinh luyện tập từ vựng về chủ đề động vật. Các từ the elephant, cat, dog, mouse, butterfly, big, sleep
- Giáo viên cho học sinh xem video: sounds of the animals. Giáo viên dừng video và cho học sinh nhắc lại âm thanh của các con vật: Meow, meow, Squeak Squeak . Học sinh chơi trò chơi miming. Một học sinh sẽ phát ra âm thanh của một con vật bất kỳ, những học sinh còn lại sẽ gọi tên của con vật.
- Học sinh chơi trò chơi story telling (kể chuyện) qua tranh để tăng cường luyện tập từ vựng. Giáo viên đưa hình chú chó đang ngủ, học sinh làm việc nhóm bốn người miêu tả hoạt động của chú chó. Giáo viên đưa ra hình chú mèo đang ngủ, học sinh làm việc nhóm miêu tả hoạt động của chú mèo. Tương tự với các con vật khác.

** Bước 3: Học sinh thực hành phân vai cho các thành viên trong nhóm*

- Học sinh phân vai cho các thành viên, giáo viên gợi ý học sinh giao vai theo khả năng của từng thành viên
- Học sinh thực hiện học lời thoại, miêu tả hành động và giọng điệu của các nhân vật.



(Học sinh thảo luận và phân vai cho các thành viên)



- Học sinh thực hành ngôn ngữ cơ thể cùng với âm thanh của các con vật và hoạt động của các con vật trong vở kịch



- Học sinh thực hành đóng vai các con vật trong vở kịch theo nhóm; thể hiện, khắc hoạ nhân vật qua nét mặt, hành động cơ thể. Học sinh tương tác theo các cặp hội thoại với vai trò điều hướng của người dẫn chuyện.



(Học sinh khắc hoạ nét mặt và cử chỉ của nhân vật)



(Học sinh khắc hoạ nét mặt và cử chỉ của nhân vật)

2.3.1.3. Nội dung 3: Báo cáo kết quả

- Học sinh thực hiện báo cáo kết quả thực hiện theo nhóm. Sau mỗi một nhóm báo cáo học sinh và giáo viên sẽ nhận xét những ưu điểm và nhược điểm của mỗi nhóm, cách các thành viên phối hợp với nhau, cách các nhóm tổ chức hoạt động.



2.4. Kết quả đạt được

- Qua ghi hình các vở kịch, quan sát quá trình làm việc của học sinh, và ghi chép lại, và cho học sinh phát âm các từ có chứa các nguyên âm đôi và đơn giáo viên nhận thấy:

- + Học sinh thực hiện vở kịch với tâm thế hào hứng, tự tin thực hiện vai diễn một cách trôi chảy. Học sinh khắc hoạ được nhân vật trong chuyện qua nét mặt và cử chỉ.
- + Học sinh phát âm từ vựng trong ngữ cảnh đúng phát âm và ngữ điệu tương ứng với từng nhân vật trong câu chuyện. Học sinh đã cải thiện được khả năng phát âm các nguyên âm đơn ở các từ xuất hiện trong kịch bản.

Nguyên âm	Tốt	Khá	Trung bình
/ei/ neigh, came, chase, take,	80%	18%	2%
/ai/ ride, spider,	80%	18%	2%
/əʊ/ goat, home,	85%	13%	2%
/aʊ/ owl, cow	85%	13%	2%
/ʌ/ but, run, jump, mud, duck,	80%	17%	3%
/u:/ woof, rooster	88 %	10%	2%
/ɔ:/ horse, morning	87%	11%	2%

+ Học sinh sử dụng được mẫu câu Let's ____ đã học trong chương trình đã học ở lớp 3, và cụm từ 'want to' đã học ở trong chương trình lớp 4.

+ Học sinh chủ động hợp tác nhóm, hỗ trợ các thành viên trong nhóm sửa phát âm, điều chỉnh ngôn ngữ cơ thể, nét mặt. Học sinh lắng nghe người dẫn chuyện để hợp tác nhịp nhàng với các thành viên khác, hoàn thành vai diễn một cách trọn vẹn.

+ Học sinh giải quyết được những bất đồng trong quá trình thảo luận nhóm; biết yêu cầu hỗ trợ từ giáo viên khi gặp khó khăn trong quá trình thực hiện

- Qua quan sát, ghi hình giáo viên nhận thấy học sinh đã thể hiện được biểu cảm khuôn mặt, giọng điệu một cách tự nhiên hơn và tự tin hơn; học sinh đã cảm nhận tình huống giao tiếp, và thể tính cách, tình cảm của nhân vật một cách chân thực.

Kỹ năng	Tốt	Khá	Trung bình
- thể hiện ngôn ngữ cơ thể (giọng điệu, nét mặt, cử chỉ)	50 %	40%	10%
- tưởng tượng và cảm nhận tình huống	55%	40%	5%

CHƯƠNG 3: KẾT LUẬN, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

3.1. Kết luận

Qua quá trình thực hiện biện pháp trên, tôi nhận thấy, để đạt được kết quả nâng cao kỹ năng nói trong các tiết thực hành tiếng Anh và nâng cao kỹ năng mềm: làm việc

nhóm, giải quyết vấn đề, năng lực tưởng tượng, sự tự tin trong khi nói tiếng Anh người giáo viên ngoài việc thường xuyên xây dựng kịch bản, các tiết học tiếng Anh có tích hợp với kể chuyện thông qua hình thức đóng kịch tương ứng với chủ đề trong chương trình học của học sinh một cách thường xuyên. Từ đó học sinh có cơ ứng dụng kiến thức ngôn ngữ đã được học và rèn luyện kỹ năng mềm được toàn diện các kỹ năng tư duy sáng tạo, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, năng lực tưởng tượng, sự tự tin trong khi nói tiếng Anh thông qua hoạt động quan sát, và đóng vai.

Đưa kịch vào các tiết học là điều cần thiết đối với bộ môn tiếng Anh nhằm phát triển năng lực chuyên biệt – năng lực giao tiếp tiếng Anh và các năng lực, phẩm chất chung trong chương trình GDPT 2018.

Từ thực tế giảng dạy, tôi đã thấy nhiều chuyển biến từ học sinh, một số em trước đây chưa tự tin thể hiện bản thân do còn e sợ mắc lỗi đến nay thông qua hoạt động đóng kịch học sinh đã phát triển các kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng tưởng tượng, kỹ năng hợp tác, kỹ năng tương trợ, kỹ năng yêu cầu sự giúp đỡ hỗ trợ từ giáo viên và bạn cùng nhóm, kỹ năng thể hiện ngôn ngữ cơ thể.

Qua nghiên cứu thực nghiệm, nội dung nghiên cứu phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học, cụ thể là học sinh lớp 4, mang tính vừa sức, dễ tiếp cận luôn tạo cho học sinh hứng khởi, tìm tòi, khám phá, ứng dụng, ngoài kiến thức của môn học phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo còn hỗ trợ cho học sinh kiến thức đã học vào các hoạt động thực hành kiến thức kỹ năng theo yêu cầu của môn học. Biện pháp đã được sử dụng, đánh giá tại hai lớp 4 của trường PT Thực hành CLC Nguyễn Tất Thành, kết quả đánh giá chứng minh được khả năng áp dụng có hiệu quả và biện pháp đánh giá có khả năng nhân rộng trong toàn trường.

Tôi nhận thấy rằng bản thân cần tích cực hơn nữa trong việc học tập chuyên môn, nghiên cứu và phát triển kịch bản kịch tương ứng với chủ đề trong chương trình GDPT 2018 để góp phần tạo nên môi trường học tập có tính nuôi dưỡng cho môn tiếng Anh, phát triển kỹ năng chuyên biệt của môn học và kỹ năng, phẩm chất chung cho học sinh.

3.2. Đề xuất - Kiến nghị

Đề áp dụng rộng cho các khối lớp, cho những năm học tới tôi đề xuất một số ý kiến sau:

- Đối với nhà trường: Cung cấp phòng học tiếng Anh, được trang bị các thiết bị và tài liệu phục vụ cho việc học và thực hành tiếng Anh. Xây dựng tiết CLB tiếng Anh tiểu học để tạo điều kiện về mặt thời gian, sân chơi nghệ thuật cho học sinh
- Đối với giáo viên: Thường xuyên học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, phương pháp nghiệp vụ về kịch và sử dụng kịch cho học sinh tiểu học. Tăng cường trao đổi với các giáo viên tiếng Anh trong tổ chuyên môn để phát triển hoạt động kịch trong nhà trường cho học sinh tiểu học.

Hoà Bình, ngày tháng năm 2024

Tác giả sáng kiến

Nguyễn Thị Hồng Thu

XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HOÀ BÌNH

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII (01/1993)
2. Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (12/1996)
3. Luật Giáo dục sửa đổi năm 2009
4. Luật Giáo dục sửa đổi năm 2010
5. Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018
6. English Teaching Forum, Using drama with Children, volume 44 No2 2006.

PHỤ LỤC

- Bảng 1: Khả năng nhận diện và phát âm các nguyên âm đôi và đơn trong tiếng Anh của học sinh

Nguyên âm	Tốt	Khá	Trung bình
/ei/ neigh, came, chase, take,			
/ai/ ride, spider,			
/əʊ/ goat, home,			
/aʊ/ owl, cow			
/ʌ/ but, run, jump, mud, duck,			
/u:/ woof, rooster			
/ɔ:/ horse, morning			

- Bảng 2: kỹ năng thể hiện ngôn ngữ cơ thể trước nhiều người; kỹ năng tưởng tượng và cảm nhận tình huống khi đóng vai một nhân vật cụ thể.

Kỹ năng	Tốt	Khá	Trung bình
- thể hiện ngôn ngữ cơ thể			
- tưởng tượng và cảm nhận tình huống			

Kịch bản 1: The very busy spider

Narrator 0: (Linh Phuong) Early one morning, the wind blew a spider across the field, to a tall tree. There (s)he began to silk her home.

Scence 1

Narrator 1: (Huyền Trang) the horse came

The horse (Trung): “Neigh, neigh”. Want to go for a ride?”

The spider: “Sorry. I’m busy spinning my web.”

Scence 2

Narrator 2: (Đạt) and then the cow came

The cow (Ngọc): “Moo, moo”. Want to eat some grass?”

The spider: “Sorry. I’m busy spinning my web.”

Scence 3

Narrator 3: (Dung) and then the sheep came

The sheep (Trúc): “Baa, baa”. Want to run on the meadow?”

The spider: “Sorry. I’m busy spinning my web.”

Scence 4

Narrator 4: (Dung) and then the goat came

The goat (H.Anh): “Maa, maa. Want to jump on the rocks?”

The spider: “Sorry. I’m busy spinning my web.”

Scence 5

Narrator 5: (Phong) and then the pig came

The pig (An) : “Oink, oink. Want to roll in the mud?”

The spider: “Sorry. I’m busy spinning my web.”

Scence 6:

The narrator 6: (Phong) and then the dog came

The dog (Duy): “Woof, woof. Want to chase the cat?”

The spider: “Sorry. I’m busy spinning my web.”

Scence 7

The narrator 7: (Nguyên) and then the cat came

The cat (Ngọc Linh): “Meow, meow. Want to take a nap?”

The spider: “Sorry. I’m busy spinning my web.”

Scence 8

The narrator 8: (Bảo) and then the duck came

The duck (Khánh): “Quack, quack. Want to go for a swim?”

The spider: “Sorry. I’m busy spinning my web.”

Scence 9

Narrator 9 (Đ. Tiến): and then the rooster came

The rooster (M.Tiến): “Cock-a-doodle-do. Want to catch a fly?”

The spider: “Sorry. I’m busy spinning my web.”

Scence 10

Narrator 10 (Linh Phương): and then the owl came

The owl (Huy): “Whoo, whoo. Who built this beautiful web?”

Narrator 10 (Linh Phương): but the spider didn’t answer. (S)he is sleeping.

Kịch bản 2: WHO IS SLEEPING?

Characters: elephant, cat, mouse, dog, butterfly, narrators

Scene 1: (A dog is sleeping)

Cat: Meow Meow. I want to sleep, too!

Scene 2: (The cat is sleeping)

Mouse: Squeak Squeak. I want to sleep, too!

Scene 3: (The mouse is sleeping)

Butterfly: I want to sleep, too!

Scene 4: (The butterfly is sleeping)

Elephants: I want to sleep, too!

Scene 5: Oh, no! The elephant is too big.

